|  |  |
| --- | --- |
| **CÔNG TY CỔ PHẦN**  **NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH**  ­­  Số: 258 / TTr-NBTPC- HĐQT | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **­­­­­­­­­­­­­­**  *Ninh Bình, ngày 25 tháng 5 năm 2023* |

# TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua kết quả SXKD năm 2022, kế hoạch SXKD năm 2023.**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình (NBP) báo cáo và trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2023 kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình như sau:

# KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2022

* 1. **Các chỉ tiêu chính kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **DIỄN GIẢI** | **ĐVT** | **KẾ HOẠCH**  **NĂM 2022** | **THỰC HIỆN**  **NĂM 2022** | **Tỷ lệ**  **TH/KH**  **(%)** |
| **1** | **Tổng doanh thu SXKD** | **Tr. đồng** | **729.717,32** | **932.670,91** | **127,81** |
| 1.1 | Doanh thu SX điện | Tr. đồng | 723.905,19 | **927.340.04** |  |
| 1.2 | Doanh thu SXKD khác | Tr. đồng | 4.960,27 | 5.093,37 |  |
| 1.3 | Doanh thu HĐTC | Tr. đồng | 851,86 | 237,50 |  |
| **2** | **Tổng chi phí SXKD** | Tr. đồng | **699.934,22** | **902.284,34** | **128,91** |
| 2.1 | Chi phí SXKD điện: | Tr. đồng | 695.389,89 | 898.173,08 |  |
| 2.2 | Chi phí SXKD khác | Tr. đồng | 4.544,33 | 4.111,25 |  |
| **3** | **Lợi nhuận trước thuế** | **Tr. đồng** | **29.783,09** | **30.386,57** | **102,3** |
| 3.1 | Lợi nhuận sản xuất điện | Tr. đồng | 28.515,29 | 29.166,96 |  |
| 3.2 | Lợi nhuận sản xuất khác | Tr. đồng | 415,93 | 982,11 |  |
| 3.3 | Lợi nhuận HĐTC | Tr. đồng | 851,86 | 237,50 |  |
| **4** | **Thuế TNDN** | Tr. đồng | **5.956,62** | **6.123,06** |  |
| **5** | **Lợi nhuận sau thuế** | **Tr. đồng** | **23.826,47** | **24.263,51** | **101,83** |

* Hệ số bảo toàn vốn: 1 lần Công ty bảo toàn được nguồn vốn;
* Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu (EPS): 1.886 đồng/cổ phiếu;
* Tỷ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE): 9.08%;
* Hệ số thanh toán hiện hành: 1.92 lần.

# Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022:

* Tổng doanh thu: 932.670,91 triệu đồng, đạt 127,81% kế hoạch;
* Tổng chi phí: 902.284,34triệu đồng, đạt 128,91 % kế hoạch
* Lợi nhuận trước thuế: 30.386,57 triệu đồng, đạt 102,3% kế hoạch;
* Tổng lợi nhuận sau thuế là 24.263,51 triệu đồng đạt 101,83% so với kế hoạch;

# Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năm 2022

* Doanh thu sản xuất điện là 927.340,04 triệu đồng, đạt 128,19 % so với kế hoạch;
* Chi phí là 898.173,08 triệu đồng đạt 129,16 % so với kế hoạch;
* Lợi nhuận sản xuất điện lãi : 29.166,96 tr.đồng đạt 102,29 % so với kế hoạch.

# Đối với hoạt động kinh doanh khác:

# Doanh thu sản xuất kinh doanh khác là : 5.093,37 triệu đồng, đạt 102,68 % so với kế hoạch gồm :

# Doanh thu từ tro xỉ là 3.529,14 triệu đồng.

# Doanh thu cung cấp dịch vụ :1.564,23 triệu đồng

# Lợi nhuận sản xuất kinh doanh khác đạt 982,11 triệu đồng đạt 236,12 % kế hoạch.

# Đối với hoạt động tài chính

# Doanh thu từ hoạt động tài chính : 237,50 triệu đồng đạt 27,88 % so với kế hoạch.

* Cổ tức, lợi nhuận được chia từ đầu tư tài chính là 237,5 triệu đồng.

- Công ty đầu tư vào Công ty CP sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc đến ngày 31/12/2022 như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **S T T** | **Tên công ty con, công ty liên kết** | **Giá trị vốn góp**  **(Tr.**  **đồng )** | **Tỷ lệ vốn góp (%)** | **Vốn Điều lệ**  **(Tr. đồng )** | **Vốn CSH của công ty con, công ty**  **liên kết 2022- TKT**  **(Tr. đồng)** | **Doanh thu**  **(Tr. đồng)** | **Lợi nhuận sau thuế**  **(Tr. đồng)** | **Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia năm báo cáo**  **(Tr. đồng** | **Tỷ lệ lợi nhuận được chia trên vốn đầu tư (%)** | **Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn của công ty con, công ty**  **LK** | **Hệ số nợ/Vố n CSH**  **của công ty con, công ty LK** |
| 1 | Cty CP sửa chữa nhiệt điện Miền Bắc | 2.500 | 2,08 | 120.000 | 144.620 | 237.308 | 8.019 | 237,5 | 9,5% | 1,40 | 1,37 |

# KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2023

* 1. **Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **DIỄN GIẢI** | **Đơn vị tính** | **Kế hoạch SXKD**  **dự kiến năm 2023** |
| **1** | **Sản lượng điện phát** | **Tr. kWh** | **360,00** |
| **2** | **Tỷ lệ điện tự dùng** | **%** | **10,00** |
| **3** | **Sản lượng thương phẩm** | **Tr. kWh** | **324,00** |
| **4** | **Suất hao nhiệt tinh** | **kJ/kWh** | **17.852,89** |
| **5** | **Suất hao dầu** | **g/kWh** | **0,30** |
| **6** | **Tổng chi phí SXKD** | **Tr. đồng** | **844.080,14** |
| **6.1** | **Chi phí SXKD điện:** | **Tr. đồng** | **840.980,14** |
| **6.1.1** | **Chi phí cố định:** | **Tr. đồng** | **154.417,42** |
| **6.1.2** | **Chi phí biến đổi** | **Tr. đồng** | **686.562,72** |
| **6.2** | **Chi phí SXKD khác** | **Tr. đồng** | **3.100,00** |
| **6.3** | **Chi phí HĐTC** | **Tr. đồng** | **-** |
| **7** | **Tổng doanh thu SXKD** | **Tr. đồng** | **853.694,24** |
| **7.1** | **Doanh thu SX điện** | **Tr. đồng** | **850.178,30** |
| **7.2** | **Doanh thu SXKD khác** | **Tr. đồng** | **3.315,94** |
| **7.3** | **Doanh thu HĐTC** | **Tr. đồng** | **200,00** |
| **8** | **Lợi nhuận trước thuế** | **Tr đồng** | **9.614,10** |
| **8.1** | **Lợi nhuận sản xuất điện** | **Tr. đồng** | **9.198,16** |
| **8.2** | **Lợi nhuận sản xuất khác** | **Tr. đồng** | **215,94** |
| **8.3** | **Lợi nhuận HĐTC** | **Tr. đồng** | **200,00** |
| **9** | **Thuế TNDN** | **Tr. đồng** | **1.922,82** |
| **10** | **Lợi nhuận sau thuế** | **Tr. đồng** | **7.691,28** |
| **11** | **Cổ tức dự kiến 5%VĐL** | **Tr. đồng** | **6.432,75** |

# Kế hoạch sửa chữa lớn và bảo dưỡng thiết bị.

Kế hoạch SCL năm 2023 của NBTPC bao gồm 4 danh mục thiết bị chính và 9 danh mục thiết bị lẻ.

Dự kiến kế hoạch thời gian SCL căn cứ văn bản số 4452/ĐĐQG-PT ngày 26/12/2022 của Trung tâm điều độ Hệ thống điện Quốc gia dự kiến kế hoạch sửa chữa các thiết bị chính như sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Hạng mục** | **Thời gian** | | |
| **Bắt đầu** | **Kết thúc** | **Số ngày** |
| 1 | Đại tu Lò hơi số 4 | Đại tu | 15/8 | 13/10 | 60 |
| 2 | Đại tu Tổ máy số 4 | Đại tu | 15/8 | 13/10 | 60 |
| 3 | Trung tu Lò hơi số 2 | Trung tu | 14/10 | 02/12 | 50 |
| 4 | Trung tu Tổ máy số 2 | Trung tu | 14/10 | 02/12 | 50 |

Công tác sửa chữa lớn các thiết bị được phân bổ theo từng giai đoạn phù hợp với phương thức và chu kỳ vận hành.

# 3. Công tác thị trường điện, giá điện.

Năm 2023, NBP là đơn vị cung cấp dịch vụ phụ trợ, gián tiếp tham gia thị trường điện, Công ty đảm bảo các tổ máy luôn sẵn sàng vận hành theo lệnh và yêu cầu của đơn vị vận hành Hệ thống điện và Thị trường điện.

Giá điện năm 2023, NBP đã hoàn thành đàm phán giá DVPT năm 2023 NMĐ Ninh Bình với Công ty Mua bán điện (EPTC) báo cáo EVN trình Cục Điều tiết thẩm định và đang chờ các cấp có thẩm quyền phê duyệt giá DVPT năm 2023 NMĐ Ninh Bình sau khi có kết quả phê duyệt giá năm 2023 NBTPC sẽ thực hiện ký kết Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 05 của Hợp đồng cung cấp dịch vụ phụ trợ số 01/2020/DVPT/NMNĐNB-EVN ký ngày 29 tháng 6 năm 2020 giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình và thanh quyết toán doanh thu điện năng theo quy định.

# Giải pháp thực hiện

a) Tích cực phối hợp chặt chẽ với các đơn vị cung ứng nhiên liệu (than) để đáp ứng yêu cầu sản xuất khi Trung tâm điều độ hệ thống điện quốc gia huy động. Tính toán, xây dựng và triển khai công tác quản trị nhiên liệu (than) đảm bảo hiệu quả nhất, đảm bảo cân đối dòng tiền, hạn chế thấp nhất mức vay tín dụng để trả tiền mua nhiên liệu.

b) Tiếp tục sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh hiện nay, các quy định của Pháp luật và quy chế của Ngành.

c) Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý và người lao động.

d) Duy trì và đảm bảo hiệu quả trong công tác bảo vệ môi trường.

e) Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ và giải pháp mới nhằm giảm suất hao nhiệt, nâng cao hiệu suất tổ Lò – Máy để có cơ hội tham gia trực tiếp thị trường điện.

f) Phối hợp với các cơ quan hữu quan, đơn vị tư vấn, địa phương trong việc tìm kiếm cơ hội liên quan dự án nhà máy điện mới thay thế, giải pháp chuyển đổi năng lượng sạch, bền vững.

g) Đảm bảo các thiết bị dự phòng đủ điều kiện vận hành tin cậy, đáp ứng nhu cầu hệ thống điện khi được huy động. Tăng cường công tác kiểm tra đôn đốc, giám sát việc thực hiện các nội quy quy định, quy trình an toàn, kỷ luật lao động, vệ sinh môi trường, vệ sinh công nghiệp, PCCN, đảm bảo an ninh trật tự. Hoàn thành các danh mục sửa chữa lớn thiết bị đảm bảo chất lượng và đúng tiến độ.

h) Tiếp tục thực hiện hiệu quả hơn nữa chương trình tối ưu hóa chi phí sản xuất. Nâng cao hiệu quả quản lý và điều hành trong thực hành tiết kiệm, giảm chi phí trong sản xuất kinh doanh, đặc biệt là chi phí sửa chữa lớn.

i) Tiếp tục sắp xếp lại lao động phù hợp với tình hình nhân lực hiện nay. Tuyển dụng thêm các lao động có trình độ và chuyên môn phù hợp, đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

j) Bảo đảm an toàn, không để xảy ra các tai nạn lao động, sự cố thiết bị, cháy nổ trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

k) Thực hiện chủ đề năm 2023 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam “Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí”.

l) Đẩy mạnh tuyên truyền thực hiện quy định Văn hóa doanh nghiệp, tăng cường công tác truyền thông, tiếp xúc cộng đồng.

Trên đây là kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của NBP. Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***   * HĐQT, BKS/NBTPC (để b/c); * Cổ đông/NBTPC * Ban TGĐ/NBTPC; * TCKT, HCLĐ, KHVT/NBTPC; * Lưu: VT,TK. | **TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CHỦ TỊCH**  **Nguyễn Thanh Trùng Dương** |